

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI  
THƯƠNG**

.....oo0oo.....



**BÁO CÁO CUỐI KỲ**  
**Môn: PHƯƠNG PHÁP VÀ THỰC HÀNH**  
**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO**  
**VIỆT NAM - HÀN QUỐC (VKFTA) VÀ TÁC**  
**ĐỘNG ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM**

*Hà Nội, tháng 11 năm 2023*

## **DANH MỤC HÌNH BẢNG BIỂU**

Hình 1: Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2000 – 2021.....	13
Hình 2: Tình hình vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam giai đoạn 2015 - 2021 (1H) (Đơn vị: tỷ USD).....	16

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Bảng 1: Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục, khối nước và một số thị trường lớn trong năm 2021 và so với năm 2020.....	14
---	----

## **MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VKFTA.....</b>	<b>5</b>
1. Cơ sở lý luận.....	5
1.1. Khái niệm liên kết kinh tế quốc tế.....	5
1.2. Vai trò của liên kết kinh tế quốc tế.....	5
1.3. Các hình thức của liên kết kinh tế quốc tế.....	6
2. Tổng quan về Hiệp định thương mại tự do VKFTA.....	7
2.1. Sơ lược về mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam – Hàn Quốc trước khi tham gia VKFTA.....	7
2.2. Nội dung cơ bản của VKFTA.....	8
2.2.1. Cam kết về thương mại hàng hóa.....	8
2.2.2. Cam kết về thương mại dịch vụ.....	10
2.2.3. Cam kết về đầu tư.....	11
<b>CHƯƠNG II: TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VKFTA ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM.....</b>	<b>12</b>
1. Tác động tới hoạt động thương mại.....	12
2. Tác động tới hoạt động đầu tư.....	14
<b>CHƯƠNG III: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TẬN DỤNG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VKFTA MỘT CÁCH HIỆU QUẢ.....</b>	<b>18</b>
1. Những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia VKFTA.....	18
1.1. Đối với chính phủ, bộ, ngành.....	18
1.2. Đối với doanh nghiệp.....	20
2. Đề xuất giải pháp tận dụng Hiệp định VKFTA một cách hiệu quả.....	22
2.1. Về phía chính phủ, bộ, ngành.....	22
2.2. Về phía doanh nghiệp.....	23
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>24</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>25</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Charles Darwin đã từng nói: “Trong lịch sử lâu dài của loài người, những ai học được cách cộng tác và ứng biến tài tình nhất sẽ sinh tồn”. Từ trước đến nay, hợp tác thương mại và đầu tư quốc tế là một trong những yếu tố then chốt trong công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế vững mạnh của một đất nước, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia.

Là một quốc gia đang phát triển với một nền kinh tế đang trong giai đoạn chuyển sang kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, Việt Nam có rất nhiều lợi thế khi đang có những điều kiện thuận lợi mà nhiều quốc gia đang phát triển khác không có. Kể từ sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, Việt Nam luôn chú trọng việc gỡ bỏ bao vây cấm vận, từng bước mở rộng hợp tác kinh tế toàn cầu chứ không chỉ dừng lại ở quan hệ với các nước trong khối xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình ấy, Hàn Quốc luôn là một trong những đối tác kinh tế hàng đầu của Việt Nam. Nhận thức được lợi ích và tầm quan trọng của hiệp định trên, em đề xuất đề tài : **“Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) và tác động đến nền kinh tế Việt Nam”**.

Đề tài được thực hiện nhằm nghiên cứu Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc VKFTA, từ đó rút ra những cơ hội, thách thức, tác động của Hiệp định đối với nền kinh tế nước ta và những giải pháp tận dụng hiệp định một cách hiệu quả.

Các phương pháp nghiên cứu:

- **Phương pháp thu thập dữ liệu:**

- Số liệu minh họa được thu thập từ nguồn số liệu thứ cấp, cụ thể: Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thống kê, Bộ Công thương, các trang web, ...

- **Phương pháp xử lý dữ liệu:**

- Phương pháp thống kê: Phương pháp thống kê được sử dụng để nhận thấy ảnh hưởng của Hiệp định thương mại tự do VKFTA đến kết quả kinh tế Việt Nam trong một số hoạt động.

- Phương pháp phân tích: Phương pháp phân tích được sử dụng nhằm đánh giá sự tác động của Hiệp định VKFTA

- Phương pháp tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng với mục đích đưa ra nhận xét và đánh giá về những điểm có thể phát huy từ Hiệp định VKFTA, từ đó đề xuất các giải pháp tận dụng hiệp định một cách hiệu quả.

# CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VKFTA

## 1. Cơ sở lý luận

### 1.1. Khái niệm liên kết kinh tế quốc tế

Thuật ngữ “liên kết kinh tế quốc tế” hay “hội nhập kinh tế quốc tế” (economic integration) không có định nghĩa thống nhất và có rất nhiều cách giải thích khác nhau:

- “Economic integration is defined here as process and as a state of affairs. Considered as a process, it encompasses measures designed to eliminate discrimination between economic units that belong to different national states.” (Balassa, B. và nnk., 1991)

- “...a process that represents various measures leading to the suppression of discrimination between economic units or states, presupposes the signification of economic, fiscal and other policies, and requires the setting up of a supranational authority whose decisions are binding for member states.” (Balassa, B., 1966)

- “... a state of affairs or a process which involves the amalgamation of separate economies into larger regions...” (Ali M. El-Agraa, 1988)

Vậy nhìn chung, liên kết kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết, hợp tác giữa các nền kinh tế, trên cơ sở giảm thiểu và xóa bỏ các rào cản thương mại về thuế quan, mậu dịch,... đối với các thành viên trong khối liên kết. Ngoài việc gắn kết về mặt kinh tế, Béla Balassa đề xuất rằng khái niệm liên kết kinh tế quốc tế thể hiện việc gắn kết cả về mặt thể chế giữa các nền kinh tế và được chấp nhận chủ yếu trong giới học tập và lập chính sách. Do đó, liên kết kinh tế quốc tế còn là quá trình các nền kinh tế gia nhập và góp phần xây dựng các thể chế kinh tế khu vực và toàn cầu.

### 1.2. Vai trò của liên kết kinh tế quốc tế

Quá trình liên kết kinh tế quốc tế xuất hiện trên cơ sở mong muốn tự do hóa thương mại giữa các quốc gia và mong muốn hợp

tác cùng phát triển. Do đó liên kết kinh tế quốc tế có vai trò tạo nên môi trường kinh tế quốc tế thuận lợi cho các quan hệ thương mại quốc tế, tài chính, thu hút đầu tư, phân công và chuyển dịch lao động quốc tế, etc. Liên kết kinh tế quốc tế giúp các quốc gia hưởng lợi nhờ việc hợp tác và trao đổi hàng hóa, dịch vụ với ít rào cản hơn, qua đó góp phần mở rộng thị trường của từng nước, đẩy mạnh xuất khẩu, tranh thủ được khối lượng lớn vốn đầu tư, công nghệ, tri thức, kinh nghiệm quản lý và các nguồn lực quan trọng khác, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần.

Bên cạnh mặt kinh tế, các liên kết kinh tế quốc tế còn có vai trò thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các nước trên mọi lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào việc mở rộng và đưa quan hệ giữa các quốc gia đi vào chiều sâu, tạo thế đan xen lợi ích, góp phần gìn giữ môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy việc xây dựng các chính sách lâu dài cho các quan hệ song phương và đa phương.

### **1.3. Các hình thức của liên kết kinh tế quốc tế**

Các hình thức khác nhau của liên kết kinh tế quốc tế phụ thuộc vào cấp độ hội nhập của các thành viên trong khối.

#### **• Thỏa thuận thương mại ưu đãi**

Đây là hình thức có cấp độ thấp nhất của liên kết kinh tế quốc tế, nhưng có lịch sử hình thành lâu đời nhất so với các hình thức khác. Đối với hình thức này, các quốc gia/vùng lãnh thổ tham gia các thỏa thuận/hiệp định, trong đó cam kết dành cho nhau các ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa của nhau, tạo thành các ưu đãi thương mại. Trong các thỏa thuận thương mại ưu đãi, thuế quan và hàng rào phi thuế quan có thể vẫn còn, nhưng các quy định đối với các nước thành viên là thấp hơn so với các nước không tham gia thỏa thuận.

Ví dụ: Hiệp định về thỏa thuận thương mại ưu đãi ASEAN năm 1977

#### **• Khu vực mậu dịch tự do**



Khu vực mậu dịch tự do là một hình thức liên kết kinh tế quốc tế giữa 2 quốc gia hoặc giữa một nhóm các quốc gia/vùng lãnh thổ. Các thành viên tham gia vào khu vực mậu dịch tự do cam kết giảm thiểu thuế quan và các hàng rào phi thuế quan, một số lĩnh vực nhất định còn giảm bớt hoặc loại bỏ hoàn toàn. Hàng hoá và dịch vụ được di chuyển tự do giữa các quốc gia/vùng lãnh thổ của các thành viên.

Ví dụ: Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA), Hiệp định Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), ...

#### • **Liên minh thuế quan**

Trong hình thức này, thuế quan giữa những nước thành viên đều được loại bỏ và chính sách thương mại chung của liên minh được thực hiện đối với những nước không là thành viên. Các thành viên của liên minh ngoài việc cắt giảm và loại bỏ thuế quan trong thương mại nội khối còn thống nhất thực hiện chính sách thuế quan chung đối với các nước bên ngoài khối.

Ví dụ: Cộng đồng các quốc gia vùng Andes (CAN), Liên minh thuế quan Liên minh Châu Âu (EUCU), ...

#### • **Thị trường chung**

Thị trường chung có đầy đủ các yếu tố của liên minh thuế quan, thêm vào đó các yếu tố sản xuất (vốn, lao động) được tự do di chuyển giữa các nước thành viên.

Ví dụ: Cộng đồng Kinh tế Châu Âu (EEC)... Khối ASEAN cũng đã hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) với mục tiêu chính là nhằm hình thành một khu vực kinh tế ASEAN trong đó hành hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được chu chuyển tự do và vốn được lưu chuyển tự do hơn, kinh tế phát triển đồng đều... - những nội dung của một thị trường chung.

#### • **Liên minh kinh tế**

Đây là hình thức liên kết kinh tế quốc tế có cấp độ hội nhập cao. Liên minh kinh tế được xây dựng trên cơ sở các nước thành viên thống nhất thực hiện các chính sách thương mại, tiền tệ, tài chính và

một số chính sách kinh tế - xã hội chung giữa các thành viên với nhau và với các nước ngoài khối. Hình thức này hình thành nên các thị trường chung giữa các nền kinh tế. Do đó các luồng vốn, hàng hoá, lao động và dịch vụ được tự do lưu thông giữa các nước thành viên. Ngoài ra các nước còn tiến tới sử dụng chung một đồng tiền và thống nhất các chính sách tiền tệ, tài khóa và thuế chung giữa các nước thành viên.

Ví dụ: Liên minh Châu Âu (EU)

## **2. Tổng quan về Hiệp định thương mại tự do VKFTA**

### **2.1. Sơ lược về mối quan hệ thương mại giữa Việt Nam - Hàn Quốc trước khi tham gia VKFTA**

Việt Nam và Hàn Quốc chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao vào tháng 12 năm 1992. Trải qua hơn hai thập kỷ, quan hệ hai nước đã có những bước phát triển vượt bậc, từ quan hệ đối tác bình thường trở thành mối quan hệ đối tác toàn diện vào năm 2001 và đã nâng tầm quan hệ song phương thành đối tác chiến lược vào năm 2009. Hàng năm, hai bên đều có những đoàn tiếp xúc song phương các cấp nhằm thúc đẩy quan hệ và tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Hai bên đã thành lập nhiều tổ chức, cơ quan đại diện tại nước sở tại. Hai bên cũng tăng cường hợp tác trong các tổ chức đa phương quốc tế như trong khuôn khổ ASEAN+3, APEC, WTO, Liên hiệp quốc... Sự tương tác và hội nhập giữa hai nước đã đạt được những kết quả hết sức ấn tượng:

Về xuất nhập khẩu: Từ năm 1992 đến 2014, kim ngạch thương mại hai chiều tăng từ 500 triệu USD lên hơn 26 tỷ USD. Trong nhiều năm, Hàn Quốc luôn là đối tác thương mại lớn của Việt Nam. Năm 2014, Hàn Quốc đứng thứ 3 trong số 10 đối tác lớn nhất của Việt Nam, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 5 và thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam.

Về đầu tư: Trong nhiều năm, Hàn Quốc luôn là nhà đầu tư lớn nhất tại Việt Nam. Trong năm 2014, đầu tư của Hàn Quốc vào Việt

Nam dẫn đầu với 505 dự án cấp mới, 179 dự án tăng vốn, với tổng số vốn đầu tư đăng ký cấp mới và tăng vốn là 7,32 tỷ USD chiếm 36.2% tổng vốn đầu tư tại Việt Nam.

## **2.2. Nội dung cơ bản của VKFTA**

Ngày 5/5/2015, Việt Nam và Hàn Quốc đã chính thức ký kết Hiệp định Thương mại Tự [do](#) Việt Nam - Hàn Quốc VKFTA. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 20/12/2015. Đây là một hiệp định mang tính toàn diện, có mức độ cam kết cao và đảm bảo cân bằng lợi ích cho cả đôi bên.

Hiệp định VKFTA gồm 17 chương, 208 điều, 15 phụ lục và 1 thỏa thuận thực thi quy định, với các nội dung chính gồm: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ (bao gồm các Phụ lục về dịch vụ viễn thông, dịch vụ tài chính, di chuyển thể nhân), đầu tư, sở hữu trí tuệ, các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS), quy tắc xuất xứ, thuận lợi hóa hải quan, phòng vệ thương mại, hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT), thương mại điện tử, cạnh tranh, hợp tác kinh tế, thể chế và pháp lý.

### **2.2.1. Cam kết về thương mại hàng hóa**

Thương mại hàng hóa bao gồm các cam kết về thuế quan cũng như các cam kết về quy tắc xuất xứ.

#### **• Các cam kết thuế quan**

Các cam kết thuế quan trong VKFTA được xây dựng trên nền các cam kết thuế quan trong FTA ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA), nhưng với mức độ tự do hóa cao hơn. VKFTA sẽ cắt giảm thêm một số dòng thuế mà trong AKFTA chưa được cắt giảm hoặc mức độ cắt giảm còn hạn chế, cụ thể như sau:

- Hàn Quốc sẽ xóa bỏ thêm cho Việt Nam 506 dòng thuế.
- Việt Nam sẽ xóa bỏ thêm cho Hàn Quốc 265 dòng thuế.

Tổng hợp cả các cam kết trong VKFTA và AKFTA thì:

- Hàn Quốc sẽ xóa bỏ cho Việt Nam 11.679 dòng thuế.
- Việt Nam sẽ xóa bỏ cho Hàn Quốc 8.521 dòng thuế.

Trong quá trình thực thi VKFTA, hai bên có thể tham vấn và xây dựng thỏa thuận bổ sung để đẩy nhanh hơn tốc độ cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan. Trong trường hợp một bên đơn phương đẩy nhanh việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan và đã thực hiện các thủ tục thông báo chính thức cho bên kia như quy định tại Hiệp định thì việc cắt giảm hoặc xóa bỏ đó sau khi chính thức có hiệu lực sẽ không được rút lại.

#### • Cam kết về quy tắc xuất xứ

Tiêu chí xuất xứ: Để được hưởng ưu đãi thuế quan trong VKFTA, hàng hóa phải đáp ứng được các quy tắc xuất xứ của Hiệp định. Theo quy định, hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ tại một bên (Việt Nam hoặc Hàn Quốc) nếu đáp ứng được một trong các điều kiện sau:

- Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của bên xuất khẩu;
- Được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của bên xuất khẩu và chỉ từ các nguyên liệu có xuất xứ; hoặc không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của bên xuất khẩu nhưng đáp ứng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ được quy định cụ thể trong Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể từng mặt hàng (Phụ lục 3-A) hoặc Phụ lục về các hàng hóa đặc biệt (Phụ lục 3-B).

Nhìn chung, để được hưởng ưu đãi thuế quan theo VKFTA, hàng hóa cần đáp ứng được một trong các tiêu chí sau:

- Tỷ lệ Hàm lượng giá ở khu vực (RVC) theo quy định (thường là trên 40%);
- Chuyển đổi mã HS (2 số, 4 số hoặc 6 số); hoặc trải qua một công đoạn sản xuất hoặc chế biến nhất (các sản phẩm dệt may).

Giống như nhiều FTA khác, VKFTA cho phép cộng gộp xuất xứ, nghĩa là nguyên liệu dù được sản xuất từ Việt Nam hay Hàn Quốc đều được coi là có xuất xứ trong quá trình tính toán Hàm lượng khu vực (RVC) để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.

### **2.2.2. Cam kết về thương mại dịch vụ**

Chương về dịch vụ trong VKFTA được chia làm 02 phần:

Cam kết về nguyên tắc: bao gồm các định nghĩa, các quy định chung về nghĩa vụ: Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc... và 03 phụ lục về tài chính, viễn thông, di chuyển thể nhân.

Cam kết về mở cửa thị trường: là 01 phụ lục riêng bao gồm 02 danh mục mở cửa của Việt Nam và Hàn Quốc về từng lĩnh vực dịch vụ.

#### **• Cam kết về nguyên tắc**

Hai bên cam kết về các quy định và nghĩa vụ chung nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của mỗi bên khi tiếp cận thị trường dịch vụ của bên kia. Mỗi bên sẽ dành cho các nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ của bên kia các quyền lợi cơ bản là:

- **Đối xử quốc gia (NT):** Đối với những ngành được nêu trong Biểu cam kết cụ thể, tùy thuộc vào các điều kiện và tiêu chuẩn được quy định trong đó, mỗi bên phải dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của bên kia, trong hoàn cảnh tương tự, đối xử không kém thuận lợi hơn đối xử được bên đó dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của mình.

- **Đối xử tối huệ quốc (MFN):** Nếu sau khi VKFTA có hiệu lực mà một Bên trong Hiệp định (Việt Nam hoặc Hàn Quốc) ký các thỏa thuận với một bên thứ 3 mà trong đó dành các đối xử ưu đãi hơn cho các dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của bên thứ 3 đó, thì một bên được yêu cầu tham vấn với bên kia để xem xét khả năng gia tăng các đối xử ưu đãi trong VKFTA không kém thuận lợi hơn so với các đối xử ưu đãi trong thỏa thuận với bên thứ 3 đó, trừ trường hợp các đối xử ưu đãi này là theo các hiệp định hiện có hoặc hiệp định giữa các thành viên ASEAN.

#### **• Cam kết về mở cửa thị trường**

So với các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ của Việt Nam và Hàn Quốc trong WTO và AKFTA thì trong VKFTA:

Việt Nam mở cửa hơn cho Hàn Quốc trong 02 phân ngành:

- Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị
- Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác không kèm người

điều khiển

Hàn Quốc mở cửa hơn cho Việt Nam trong 05 phân ngành:

- Dịch vụ pháp lý
- Dịch vụ chuyển phát
- Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa đường sắt
- Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ vận tải đường sắt
- Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên

### **2.2.3. Cam kết về đầu tư**

Chương về đầu tư trong VKFTA được chia làm 02 phần:

• Phần A- Đầu tư, bao gồm: Các cam kết về nguyên tắc chung (bao gồm các định nghĩa, các quy định chung về nghĩa vụ Đối xử quốc gia, Đối xử tối huệ quốc...); Các cam kết về mở cửa của từng Bên (Mỗi bên sẽ có một Danh mục bảo lưu các biện pháp/lĩnh vực không phải áp dụng một số nguyên tắc đầu tư - Danh mục các biện pháp không tương thích).

• Phần B – Giải quyết tranh chấp đầu tư, bao gồm phạm vi, nguyên tắc và quy trình thủ tục giải quyết tranh chấp khi có mâu thuẫn phát sinh giữa Nhà nước của một Bên của Hiệp định và nhà đầu tư của Bên kia.

Về cơ bản, các cam kết trong Chương đầu tư phù hợp với Hiến pháp và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam như Luật Đầu tư năm 2005. Việc thực hiện Chương này không đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Nội dung của Chương cũng phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế và tương thích với các cam kết quốc tế khác về đầu tư.

Trong nội dung cam kết về Giải quyết tranh chấp đầu tư, VKFTA cũng áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp Nhà nước - nhà đầu tư

nước ngoài (ISDS) tương tự như trong AKFTA. Tuy nhiên, cơ chế ISDS trong VKFTA có phạm vi áp dụng rộng hơn, và có các quy định về quy trình và thủ tục cụ thể hơn trong AKFTA.



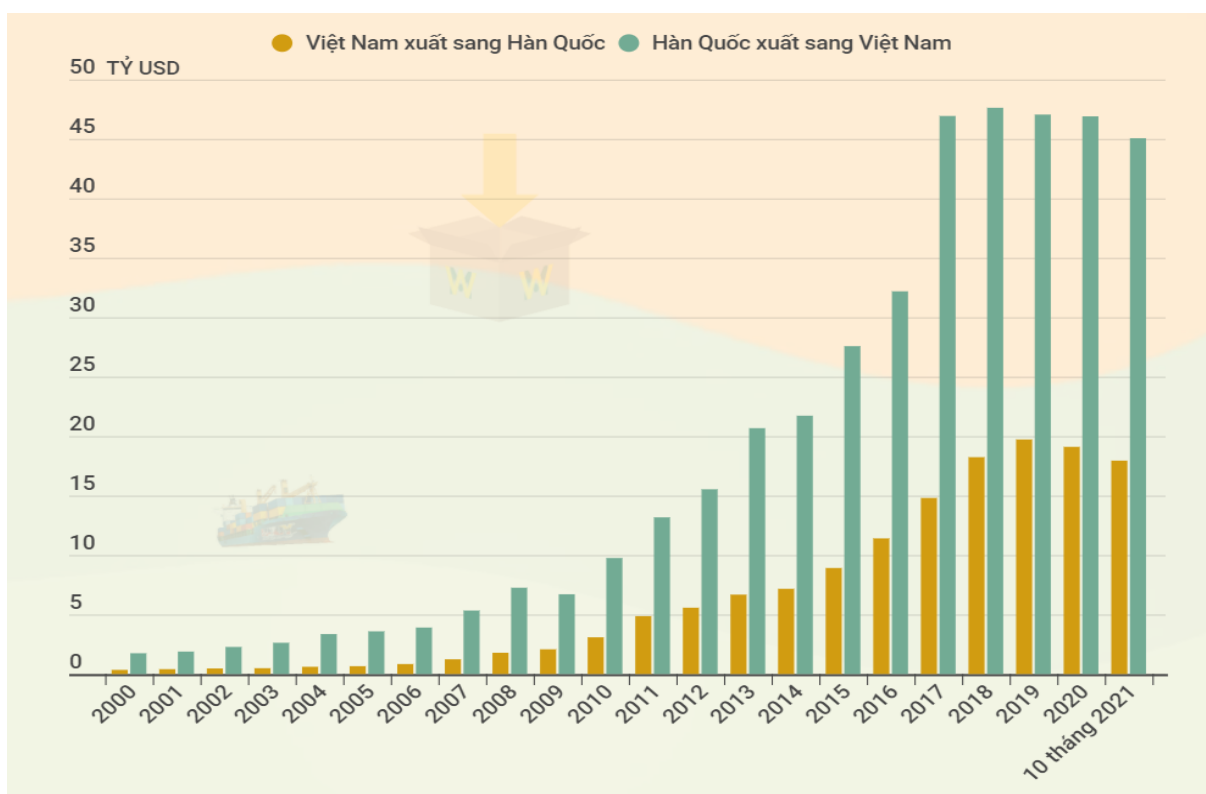
## CHƯƠNG II: TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VKFTA ĐẾN NỀN KINH TẾ VIỆT NAM

### 1. Tác động tới hoạt động thương mại

Có thể nói rằng, cho đến nay, VKFTA đã góp phần đưa quan hệ kinh tế giữa hai quốc gia lên một cấp độ mới.

Sau 6 năm thực thi VKFTA, tình hình xuất khẩu giữa hai nước đã tăng vượt bậc, đạt được nhiều mục tiêu và cụ thể hóa nhiều lĩnh vực cam kết. Bất chấp những tác động của dịch Covid-19, tổng kim ngạch thương mại Việt Nam - Hàn Quốc trong 11 tháng 2021 đạt 70,3 tỷ USD, tăng hơn 18,7% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc gần 20 tỷ USD, tăng 14,6% và nhập khẩu từ Hàn Quốc 50,3 tỷ USD, tăng 20,3%. Với giá trị trao đổi hàng hóa đạt trên 70,3 tỷ USD, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam (sau Trung Quốc và Mỹ).

**Hình 1: Quan hệ thương mại Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2000 – 2021**



***Nguồn: Tổng cục Thống kê; Tổng cục Hải quan***

Hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc khá đa dạng, trong đó có 4 nhóm đạt kim ngạch từ 1 tỷ USD trở lên (tính hết tháng

10) là: điện thoại và linh kiện đạt hơn 4 tỷ USD; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 2,8 tỷ USD; dệt may đạt 2,46 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 2,1 tỷ USD. Ngoài ra, các nhóm hàng nông nghiệp đáng chú ý như thủy sản đạt hơn 640 triệu USD; rau quả hơn 132 triệu USD... Do hoạt động đầu tư sản xuất lớn, Việt Nam nhập khẩu một lượng lớn hàng hóa, chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên phụ liệu từ thị trường này. Hết tháng 11/2021, Việt Nam nhập siêu hơn 30,3 tỷ USD từ Hàn Quốc, vượt qua mức nhập siêu của cả năm 2020. Cũng cần thấy rằng, mặc dù Việt Nam đang nhập siêu từ Hàn Quốc, nhưng các mặt hàng chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất. Hơn nữa, cơ cấu các mặt hàng xuất nhập khẩu giữa hai nước có tính bổ sung cho nhau và không cạnh tranh trực tiếp. Những đặc điểm trên, cùng với các cam kết cắt giảm thuế trong VKFTA, chính là những đặc điểm thuận lợi để hai nước đẩy mạnh trao đổi thương mại cả về lượng và chất.

Theo thống kê của Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương), ước tính kim ngạch thương mại cả năm 2021 đạt hơn 78 tỷ USD, tăng 12 tỷ USD so với năm 2020. Điều này cho thấy, thương mại song phương đã phục hồi mạnh mẽ, có nhiều triển vọng tăng trưởng hơn nữa trong tương lai và sẽ sớm đạt 100 tỷ USD như mục tiêu 2 nước đã đề ra.

**Bảng 1: Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu theo châu lục, khối nước và một số thị trường lớn trong năm 2021 và so với năm 2020**

<b>THỊ TRƯỜNG</b>	<b>XUẤT KHẨU</b>			<b>NHẬP KHẨU</b>		
	<b>Trị giá (Tỷ USD)</b>	<b>So với cùng kỳ năm 2020 (%)</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>	<b>Trị giá (Tỷ USD)</b>	<b>So với cùng kỳ năm 2020 (%)</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
<b>Châu Á</b>	<b>161,94</b>	<b>15,5</b>	<b>48,2</b>	<b>271,46</b>	<b>27,6</b>	<b>81,7</b>

ASEAN	28,77	24,8	8,6	41,13	35,0	12,4
Trung Quốc	55,95	14,5	16,6	109,87	30,5	33,1
Hàn Quốc	21,95	14,9	6,5	56,16	19,7	16,9
Nhật Bản	20,13	4,4	6,0	22,65	11,3	6,8
<b>Châu Mỹ</b>	<b>114,19</b>	<b>26,6</b>	<b>34,0</b>	<b>25,02</b>	<b>14,5</b>	<b>7,5</b>
Hoa Kỳ	96,29	24,9	28,6	15,27	11,4	4,6
<b>Châu Âu</b>	<b>51,04</b>	<b>14,2</b>	<b>15,2</b>	<b>22,36</b>	<b>16,8</b>	<b>6,7</b>
EU(27)	40,06	14,1	11,9	16,89	15,3	5,1
<b>Châu Đại Dương</b>	<b>5,52</b>	<b>23,9</b>	<b>1,6</b>	<b>8,69</b>	<b>63,1</b>	<b>2,6</b>
<b>Châu Phi</b>	<b>3,61</b>	<b>18,1</b>	<b>1,1</b>	<b>4,71</b>	<b>28,6</b>	<b>1,4</b>
<b>TỔNG</b>	<b>336,31</b>	<b>19,0</b>	<b>100,0</b>	<b>332,23</b>	<b>26,5</b>	<b>100,0</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

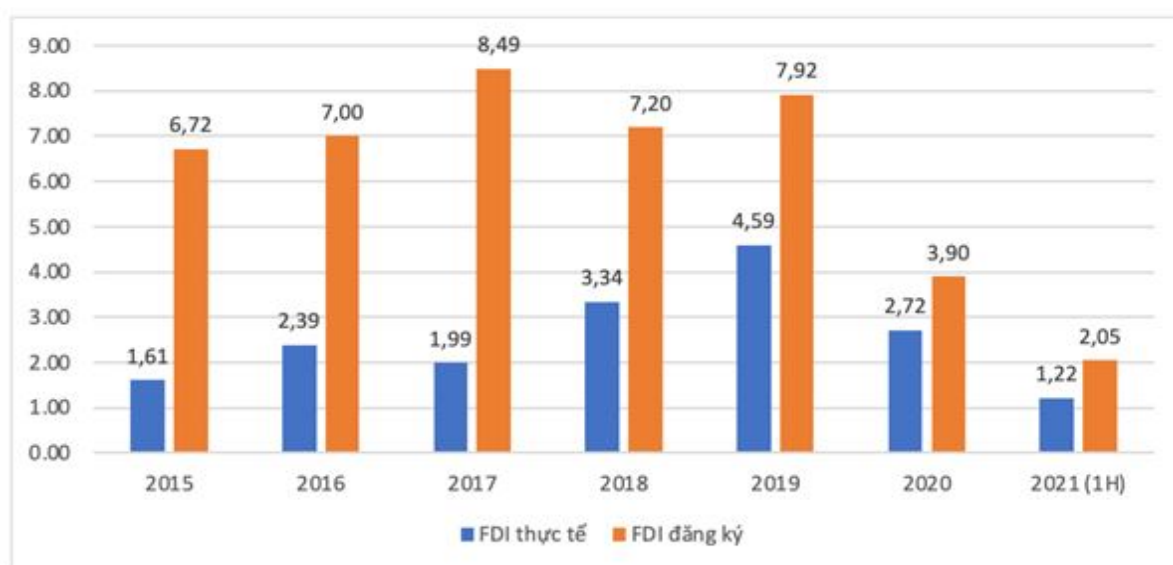
## 2. Tác động tới hoạt động đầu tư

Về đầu tư, từ khi ký kết VKFTA, Chính phủ và doanh nghiệp Hàn Quốc đã có những chuẩn bị và cụ thể hóa cơ hội hết sức bài bản với Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam cũng tạo điều kiện hết sức thuận lợi để các doanh nghiệp Hàn Quốc mở rộng thị trường. Với sự phù hợp đó, VKFTA đóng vai trò rất quan trọng để thu hút FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong nhiều lĩnh vực, góp phần giúp Việt Nam hội nhập sâu hơn vào kinh tế khu vực. Tổng vốn đầu tư của Hàn Quốc vào Việt

Nam đã tăng từ 43,7 tỷ USD năm 2015 lên 74,1 tỷ USD năm 2021 (tính đến tháng 11/2021).

Những năm gần đây, Hàn Quốc luôn nằm trong top những quốc gia dẫn đầu về đầu tư vào Việt Nam. Tính từ năm 2015 đến 6 tháng đầu năm 2021, mỗi năm, Hàn Quốc đăng ký đầu tư vào thị trường Việt Nam trên 6 tỷ USD. Song, dưới tác động của đại dịch Covid-19, số vốn FDI đăng ký của Hàn Quốc giảm đáng kể trong năm 2020. Tuy vậy, điều đáng chú ý là tỷ lệ vốn đầu tư thực tế trong năm 2020 lại đạt được giá trị cao nhất so với các thời kỳ trước đó. Cụ thể, tỷ lệ vốn đầu tư thực tế so với vốn đầu tư đăng ký trong giai đoạn trước năm 2018 không cao, khoảng từ 24% đến 34%. Tuy nhiên, từ năm 2018 trở lại đây, tỷ lệ này đã gia tăng đáng kể, đạt trên 46%, gần 58% và gần 70% lần lượt trong các năm 2018, 2019 và 2020. Số liệu thống kê trong 6 tháng đầu năm 2021 cũng cho thấy, tỷ lệ vốn FDI thực tế so với vốn FDI đăng ký cũng đạt mức tương đối cao, chiếm gần 60%.

**Hình 2: Tình hình vốn FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam giai đoạn 2015 - 2021 (1H) (Đơn vị: tỷ USD)**



***Nguồn: Tổng hợp***

***Ghi chú: 2021(1H): 6 tháng đầu năm 2021***

Tuy nhiên, đến năm 2020, khi tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19 đối với kinh tế toàn cầu trở nên rõ rệt ở hầu hết các nước, vốn FDI đăng ký của Hàn Quốc cũng giảm hơn 1/2 so với năm 2019,

giảm từ 7,92 tỷ USD đăng ký năm 2019 xuống 3,90 tỷ USD đăng ký năm 2020. Tuy vậy, tỷ lệ vốn thực hiện trong năm 2020 lại đạt mức cao nhất từ trước đến nay (chiếm gần 70%) và trong 6 tháng đầu năm 2021, tỷ lệ vốn thực hiện cũng duy trì ở mức cao gần 60%. Như vậy, đại dịch Covid-19 đã gây ra những ảnh hưởng chưa từng có đến mọi mặt trong đời sống kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới. Đặc biệt, Covid-19 còn gây ảnh hưởng lâu dài tới những quyết định về chính sách đầu tư, gia tăng và củng cố các xu hướng hạn chế tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghiệp được coi là then chốt của các quốc gia nhận đầu tư, và gây cạnh tranh đầu tư khi các nền kinh tế phục hồi sau khủng hoảng.

Đầu tư của Hàn Quốc vào Việt Nam có xu hướng gia tăng, xuất phát từ những chính sách của chính phủ 2 nước, cũng như từ lợi thế về nguồn nhân lực giá rẻ, cơ sở hạ tầng đủ đáp ứng yêu cầu tại những khu vực được chọn đầu tư của Việt Nam. Kết quả là, FDI của Hàn Quốc tại Việt Nam đã tăng trưởng mạnh và tác động tích cực đến nền kinh tế Việt Nam trên nhiều mặt khác nhau, như: thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo công ăn việc làm, chuyển giao công nghệ...

- **Đóng góp vào sự tăng trưởng:** Thực tế, dòng FDI từ Hàn Quốc vào Việt Nam tăng lên đã có những đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua. Trong suốt hơn 10 năm trở lại đây, toàn bộ khu vực FDI luôn đóng góp từ 18% - 20% vào GDP của Việt Nam. Hiện nay, các doanh nghiệp FDI đầu tư vào Việt Nam đóng góp khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu quốc gia, trong đó hơn 1/2 là các mặt hàng điện tử và khoảng 1/4 là của 1 doanh nghiệp đến từ Hàn Quốc - Samsung Việt Nam. Điều này cho thấy tác động cũng như đóng góp quan trọng của FDI Hàn Quốc đối với xuất khẩu của Việt Nam. Ước tính hiện nay, các doanh nghiệp Hàn Quốc đóng góp khoảng 25% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam.

Gia tăng dòng vốn FDI của Hàn Quốc còn giúp Việt Nam cải thiện vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu, cũng như thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam chuyển dịch từ đa phần xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sơ chế, nguyên liệu thô và hàng hóa có giá trị gia tăng thấp, sang cơ cấu xuất khẩu nhóm hàng có hàm lượng công nghệ cao hơn, như: nhóm hàng điện tử, nông, lâm, thủy sản chế biến sâu, cơ khí chế tạo và hàng tiêu dùng giá trị gia tăng cao.

- Cải thiện công ăn việc làm: Sự gia tăng dòng vốn FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam có tác động tích cực đến tạo công ăn việc làm cho người lao động Việt Nam. Hiện tại, đa phần các doanh nghiệp Hàn Quốc vừa và nhỏ tại Việt Nam đang hoạt động tại những lĩnh vực công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương. Những doanh nghiệp lớn của Hàn Quốc, điển hình là Samsung, cùng với quá trình dịch chuyển dòng đầu tư gia tăng tại Việt Nam đã ngày càng thu hút và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động Việt Nam. Trên tổng thể, các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc đang sử dụng khoảng trên 1 triệu lao động Việt Nam, đóng góp quan trọng vào giải quyết việc làm cho người lao động tại các địa phương trên địa bàn các doanh nghiệp này đang hoạt động.

- Cải thiện trình độ công nghệ: Mặc dù hiệu ứng về mặt công nghệ là khác nhau tùy thuộc vào từng lĩnh vực và vẫn còn tồn tại những hạn chế, thông qua các doanh nghiệp FDI nói chung cũng như các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc nói riêng, Việt Nam đã tiếp nhận được những công nghệ tiên tiến ở một mức độ nhất định. Một số khu vực của nền kinh tế đã được hưởng lợi từ các dòng FDI đầu vào tăng lên trong những năm gần đây, liên quan đến một số công nghệ cao và trung bình. Các doanh nghiệp FDI Hàn Quốc phần lớn tập trung vào các lĩnh vực may mặc, giày dép, kim loại và điện tử, những lĩnh vực thường có sự chuyển giao công nghệ ở mức độ tương đối cao, đã

có những đóng góp, tác động tích cực nhất định đến việc cải thiện trình độ công nghệ của Việt Nam.

Một số những tác động tích cực nổi bật khác: Gia tăng FDI của Hàn Quốc vào Việt Nam trong giai đoạn vừa qua cũng đã có những tác động quan trọng đến ngành Nông nghiệp của Việt Nam. Các dự án FDI Hàn Quốc giúp bổ sung nguồn vốn cho đầu tư phát triển ngành Nông nghiệp, đóng góp vào quá trình chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm, thay thế phương thức sản xuất cũ bằng các phương thức sản xuất mới, hiệu quả hơn, áp dụng các công nghệ hiện đại vào sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng và tính cạnh tranh của nông sản, cải thiện thu nhập của nông dân; góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở những địa phương có dự án đầu tư, nhất là các dự án đầu tư phát triển nguồn nguyên liệu tại nông thôn.

Trong những năm qua, FDI của Hàn Quốc đầu tư vào Việt Nam đã có sự tăng trưởng nhanh, cho thấy mối quan hệ hợp tác kinh tế ngày một chặt chẽ giữa 2 nước và Việt Nam ngày càng trở thành thị trường hấp dẫn đối với nhà đầu tư Hàn Quốc. Nhiều dự án FDI của nước này đã tăng vốn đầu tư trong bối cảnh dịch bệnh và trở lại “bình thường mới”, điển hình là dự án LG Display điều chỉnh tăng vốn đầu tư 2 lần vào tháng 2 và tháng 8 với tổng vốn đăng ký tăng thêm là 2,15 tỷ USD...

### **CHƯƠNG III: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TẬN DỤNG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VKFTA MỘT CÁCH HIỆU QUẢ**

#### **1. Những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia VKFTA**

##### **1.1. Đối với chính phủ, bộ, ngành**

###### **• Cơ hội**

Với nội dung đã được thỏa thuận, dự kiến Hiệp định sẽ mang lại những tác động tích cực về nhiều mặt đối với kinh tế Việt Nam, giúp hoàn thiện hơn nữa môi trường kinh doanh, phân bổ và sử dụng nguồn lực xã hội một cách hiệu quả hơn, từ đó thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Hàng xuất khẩu của Việt Nam sẽ được hưởng nhiều cơ hội thị trường mới nhờ các cam kết mở cửa thị trường mạnh mẽ của phía Hàn Quốc. Môi trường pháp lý minh bạch, thông thoáng sẽ góp phần khuyến khích đầu tư từ Hàn Quốc vào Việt Nam, kèm theo công nghệ cao, trình độ quản lý tiên tiến và cơ hội tiếp cận các thị trường thứ ba.

Hàn Quốc hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực xây dựng, thực thi chính sách, nâng cao sức cạnh tranh trong những lĩnh vực mà Hàn Quốc có thế mạnh và Việt Nam có nhu cầu hợp tác như: Nông nghiệp, thủy sản, lâm nghiệp, công nghiệp điện tử, lọc hóa dầu, công nghiệp hỗ trợ...

Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới quan trọng đối với các nhóm hàng nông, thủy sản chủ lực như tôm, cá, hoa quả nhiệt đới và hàng công nghiệp như dệt, may, sản phẩm cơ khí. Bên cạnh đó, Hàn Quốc cũng cam kết dành thêm cơ hội thị trường cho các lĩnh vực dịch vụ, đầu tư của Việt Nam và nhất là tăng cường hợp tác kinh tế, hỗ trợ kỹ thuật toàn diện trong nhiều lĩnh vực.



Hàn Quốc mở cửa thị trường cho những sản phẩm nhạy cảm cao như tỏi, gừng, mật ong, tằm, tạo cơ hội cạnh tranh đáng kể cho Việt Nam so với các đối thủ cạnh tranh khác trong khu vực.

Hiệp định VKFTA dự kiến cũng sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả nhập khẩu, nhất là các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ các ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày, dép, điện tử, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ các nguồn khác. Qua đó hỗ trợ cải cách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng giá trị gia tăng cao.

Hàn Quốc đặc biệt cam kết sẽ giúp đỡ Việt Nam phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, ngành Việt Nam hiện nay đang còn yếu. Thêm vào đó, sẽ thúc đẩy các dự án năng lượng, đặc biệt là năng lượng dầu khí.

Thông qua tự do hóa dòng thuế, Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để tiếp cận hàng hóa giá rẻ, đặc biệt là các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ những ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày dép, điện tử... giúp giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ các nguồn khác. Riêng về các cam kết trong dịch vụ và đầu tư, việc thực hiện FTA sẽ hỗ trợ Việt Nam hình thành môi trường minh bạch và thông thoáng hơn để đẩy mạnh thu hút đầu tư từ Hàn Quốc cũng như các nước khác.

Hiệp định đem lại những lợi ích xã hội tích cực nhờ tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho người lao động Việt Nam, nâng cao thu nhập, đặc biệt của nhóm lao động phổ thông, lao động không có tay nghề cao, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn.

Hiệp định giúp cho môi trường đầu tư của Việt Nam minh bạch hơn, thu hút nhiều hơn nữa các nhà đầu tư Hàn Quốc vào Việt Nam. Trong hiệp định này, nhiều tiêu chuẩn được đưa ra nhằm tăng cường bảo vệ quyền của nhà đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư hơn hiệp định FTA Hàn Quốc - ASEAN, hiệp định bảo lãnh đầu tư Hàn Quốc - Việt Nam. Bên cạnh đó, hiệp định giới thiệu cơ chế ISDS cơ chế giải

quyết tranh chấp giữa nhà nước và nhà đầu tư. Ngoài ra, hiệp định cũng đưa vào điều khoản dự phòng về tái đàm phán để ký kết những vấn đề về đầu tư chưa được giải quyết trong vòng một năm sau khi hiệp định có hiệu lực.

Hiệp định tạo cơ hội để Việt Nam tăng cường hợp tác kinh tế với Hàn Quốc - nền kinh tế đã có những bước phát triển ngoạn mục trong những thập kỷ vừa qua và hiện đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ 15 trên thế giới, thứ 3 châu Á. Đối với Hàn Quốc, Hiệp định Việt Nam-Hàn Quốc là cơ hội để các doanh nghiệp Hàn Quốc tranh thủ những cơ hội kinh doanh - đầu tư tại Việt Nam - thị trường đầy tiềm năng với hơn 98 triệu người dân.

#### •Thách thức

So với cam kết và chuẩn mực quốc tế thì thể chế, luật pháp của Việt Nam vẫn còn nhiều bất cập, vấn đề tái cấu trúc nền kinh tế, cải cách doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm... Những vấn đề đó đã gây khó khăn trong nền kinh tế thị trường, khiến các nhà đầu tư khó dự đoán được các biến động, thay đổi.

Nhận thức về hội nhập kinh tế quốc tế, về sự tham gia các tổ chức kinh tế thương mại khu vực và toàn cầu, các FTA... còn nhiều bất cập. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, doanh nghiệp và người dân thờ ơ, thiếu chủ động trong đổi mới tư duy và hội nhập kinh tế quốc tế.

Hệ thống luật pháp, chính sách của Việt Nam đã được rà soát, xây dựng mới và từng bước được hoàn thiện nhưng nhìn chung vẫn chưa đầy đủ, đồng bộ, nhất quán và ổn định... Đây chính là một trong những nguyên nhân gây bất lợi cho Việt Nam khi va chạm và giải quyết các vụ tranh chấp ở phạm vi quốc tế.

Chưa xây dựng được ngành kinh tế mũi nhọn, ngành công nghiệp phụ trợ để tận dụng các cơ hội của hội nhập, trong đó có các FTA đã, đang và sẽ thực thi.

## **1.2. Đối với doanh nghiệp**

### **• Cơ hội**

Thị trường Hàn Quốc tuy là một thị trường phát triển với các yêu cầu và đòi hỏi tương đối cao nhưng nhìn chung vẫn dễ tính hơn các thị trường như EU, Mỹ hay Nhật Bản. Do đó, việc tăng cường quan hệ thương mại với thị trường này là bước chuẩn bị tập dượt tốt cho các doanh nghiệp Việt Nam trong thời gian tới khi tiến sâu hơn vào các thị trường khó tính hơn.

Các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước cơ hội tận dụng thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, nhất là xuất khẩu nông sản, dệt may và thủy sản vào thị trường Hàn Quốc. Bên cạnh các lợi ích xuất khẩu quan trọng, Hiệp định dự kiến cũng sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả nhập khẩu, nhất là các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ các ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày, dép, điện tử, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ các nguồn khác, qua đó hỗ trợ cải cách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng giá trị gia tăng cao.

Hàn Quốc mở cửa nhiều hơn cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam do đó các doanh nghiệp sẽ có thêm cơ hội tiếp cận thị trường này: Hàn Quốc lần đầu tiên mở cửa thị trường đối với một số sản phẩm được coi là nhạy cảm cao của nước này như tỏi, gừng, mật ong, khoai lang... (thuế nhập khẩu của Hàn Quốc đối với những mặt hàng này vốn rất cao từ 241- 420%). Đây là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam.

Với khoảng hơn 9.000 doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam và khoảng hơn 60.000 công nhân Việt Nam đang làm việc ở Hàn Quốc, những đóng góp tích cực của các doanh nghiệp và công nhân này đang giúp mối quan hệ thương mại song phương và đầu tư giữa hai nước đạt được kết quả ấn tượng.

### **• Thách thức**

Các doanh nghiệp Việt Nam hiện đang bị đánh giá yếu trên các mặt như: quản trị kém, uy tín thương hiệu thấp, người tiêu dùng thường có tâm lý “sính hàng ngoại”. Bên cạnh đó, chiến lược kinh doanh quốc tế của các doanh nghiệp mờ nhạt, năng lực cạnh tranh thấp. Điều này sẽ đẩy các doanh nghiệp Việt Nam vào nguy cơ làm thuê, có giá trị gia tăng thấp, dẫn đến bị phụ thuộc, mất đi vị thế chủ động.

Việt Nam chưa có nhiều các doanh nghiệp mang tầm quốc tế và khu vực. Năng lực hội nhập và mở rộng thị trường nước ngoài còn yếu, còn nhiều thụ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chưa chủ động điều chỉnh theo yêu cầu đòi hỏi của hội nhập kinh tế. Nhận thức về các FTA của các doanh nghiệp Việt Nam cũng còn rất hạn chế, sẽ là bất lợi rất lớn trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Năng lực cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp còn yếu, nguy cơ mất thị trường nội địa: Khi Việt Nam ký kết các hiệp định FTA, nếu không tận dụng tốt, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ mất cơ hội chiếm lĩnh thị trường nước ngoài, mà ngay thị trường nội địa cũng khó có thể giữ vững.

So với thị trường các nước ASEAN (hơn 670 triệu dân) hay Trung Quốc (gần 1.400 triệu dân) thì thị trường Hàn Quốc được coi là tương đối nhỏ (chỉ khoảng 51 triệu dân) trong khi đó yêu cầu về chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm hay tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu cao hơn nhiều so với thị trường các nước ASEAN hay Trung Quốc, sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp xuất khẩu nếu không thể đáp ứng.

Với hệ thống bán lẻ đã được hình thành bài bản và các siêu thị có chuỗi phân phối tương đối ổn định, việc thâm nhập vào các kênh bán hàng của Hàn Quốc là tương đối khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nếu không có chiến lược tìm hiểu thị trường, quảng bá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, bảo

đảm số lượng, thời hạn giao hàng... thì các doanh nghiệp Việt Nam khó có thể thâm nhập sâu hơn vào thị trường này.

## **2. Đề xuất giải pháp tận dụng Hiệp định VKFTA một cách hiệu quả**

### **2.1. Về phía chính phủ, bộ, ngành**

Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp và người dân nhằm hỗ trợ thiết thực cho các doanh nghiệp.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả và năng lực quản lý, kiểm tra, giám sát của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Nhà nước thực hiện việc quản lý, điều hành đất nước và nền kinh tế thị trường chủ yếu bằng luật pháp và các chính sách vĩ mô, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển và sáng tạo...

Cần có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp. Chính sách và môi trường kinh tế vĩ mô cần ổn định, minh bạch, thông thoáng và phù hợp với thông lệ quốc tế để doanh nghiệp thích nghi từng bước trước khi tham gia kinh doanh hoặc đầu tư sang Hàn Quốc.

Tạo cơ chế, chính sách mới phát huy tối ưu các lợi thế so sánh và lợi thế cạnh tranh của quốc gia, doanh nghiệp trong phân công lao động và hợp tác quốc tế. Tận dụng tốt các cơ hội để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu (hiệu quả, chất lượng tăng trưởng); chú trọng tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm chế tạo, chế biến và thu hút đầu tư nước ngoài có lựa chọn, có điều kiện, đồng thời chú trọng mô hình tiêu dùng hiệu quả; thực hiện có hiệu quả và kịp thời trong việc tháo gỡ ba nút thắt cho doanh nghiệp, đó là thủ tục thuế, hải quan, sự điều hành của các cơ quan công quyền và cạnh tranh bình đẳng.

Nỗ lực cải cách mạnh mẽ, nhanh và toàn diện về thể chế kinh tế thị trường, đặc biệt là đổi mới tư duy trong hoạch định chính sách

theo nguyên tắc của kinh tế thị trường; nâng cao năng lực cạnh tranh cho hệ thống doanh nghiệp, trong đó thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực trình độ cao; coi trọng phát triển thị trường nội địa và nước ngoài, xây dựng năng lực thương mại trong chiến lược phát triển kinh tế.

Không ngừng kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực cán bộ, rà soát quy hoạch phát triển ngành, vùng phù hợp với tiến trình hội nhập; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh để thu hút đầu tư trong và ngoài nước; đẩy mạnh công tác quản lý thị trường và giá cả, bình ổn giá cả đối với doanh nghiệp.

## **2.2. Về phía doanh nghiệp**

Nhận thức sâu sắc việc Việt Nam ký kết các Hiệp định Thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định Việt Nam - Hàn Quốc VKFTA, là một sự kiện quan trọng và là thời cơ để khẳng định Việt Nam không chỉ chủ động mà còn tích cực hội nhập quốc tế.

Các doanh nghiệp nên liên kết với nhau và có giải pháp tham gia vào chuỗi sản xuất, mạng phân phối của các doanh nghiệp Hàn Quốc để tận dụng những thế mạnh về thị trường, thương hiệu, cách thức tổ chức, quản lý, kinh nghiệm phát triển trong cạnh tranh để vừa tận dụng cơ hội, vừa vượt qua thách thức nhanh chóng và hiệu quả khi hiệu lực thực hiện của Hiệp định đang đến gần. Doanh nghiệp cần rèn luyện năng lực dự báo và thích ứng cao với rủi ro và sự bất định trong điều kiện tự do hóa thương mại ngày càng triệt để.

Chủ động tìm hiểu thông tin cam kết hội nhập để có kế hoạch sản xuất, kinh doanh tận dụng được cơ hội cũng như sẵn sàng đối phó cạnh tranh; chủ động đầu tư, đổi mới trang thiết bị công nghệ, nâng cao tay nghề và năng lực của người lao động; cần chủ động tạo sự liên kết, gắn bó giữa các doanh nghiệp; có chiến lược phát triển quan hệ lâu dài với đối tác Hàn Quốc thông qua việc học hỏi các đối tác Hàn Quốc tại Việt Nam.

## KẾT LUẬN

Có thể nói, từ cơ sở lý luận vững chắc, liên kết kinh tế quốc tế đóng một vai trò quan trọng trong các mối quan hệ phát triển, hợp tác về kinh tế của các quốc gia thành viên. Bên cạnh đó, dựa vào những lợi ích đan xen, các liên kết kinh tế quốc tế còn thúc đẩy mỗi bang giao, giữ vững tinh thần hữu nghị giữa các nước nhằm đảm bảo nền hòa bình chung của nhân loại.

Trên cơ sở đó, kể từ năm 1992, Việt Nam và Hàn Quốc luôn cố gắng thúc đẩy mối quan hệ hợp tác song phương trên nhiều lĩnh vực. Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) ký kết năm 2015 là một cột mốc đáng nhớ trong lịch sử ngoại giao của hai nước, cũng như là tiền đề cho sự phát triển phi mã của các liên kết kinh tế giữa hai nước. Kết quả là sau chưa đầy 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, tính đến hết năm 2021, Hàn Quốc đứng thứ nhất về đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và đứng thứ ba trong danh sách các đối tác thương mại của nước ta.

VKFTA không chỉ đưa mối quan hệ kinh tế Việt Nam - Hàn Quốc lên một cấp độ mới, mà còn trực tiếp thúc đẩy nền kinh tế của nước ta. Những chuẩn bị, quy trình bài bản của Chính phủ và doanh nghiệp Hàn Quốc đã mang đến những tác động tích cực trên nhiều phương diện như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đáp ứng thị trường nhân công, và đặc biệt là những chuyển giao công nghệ trong thời đại mới.

Bên cạnh những cơ hội mới, không thể phủ nhận những thách thức còn tồn tại xét trên cả những yếu tố vĩ mô lẫn vi mô. Đối với Việt Nam nói chung, hệ thống luật pháp của nước ta còn nhiều bất cập, cải cách doanh nghiệp nhà nước chậm, đại bộ phận người dân thụ động trong đổi mới tư duy và hội nhập kinh tế quốc tế. Về phía doanh nghiệp, những thiếu sót về năng lực quản trị và xây dựng thương hiệu, uy tín vẫn còn là một bài toán nan giải, ngoài ra, khả

năng cạnh tranh của đa số các doanh nghiệp trong nước còn yếu, có nguy cơ bị mất thị trường trên ngay chính sân nhà của mình.

Những giải pháp tận dụng hiệu quả hiệp định VKFTA là một trong những yêu cầu cấp thiết nhằm duy trì mối quan hệ hợp tác tốt đẹp Việt Nam - Hàn Quốc và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của nước ta trong thời đại mới. Về phía chính phủ, bộ, ngành, cần cải cách và đổi mới tư duy trong hoạch định chính sách, tạo cơ chế thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước phát triển. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng cần chủ động nắm bắt lấy cơ hội, cải thiện sức mạnh nội lực song song với tạo các mối liên kết với nhau trong chuỗi sản phẩm, nhằm tối ưu hoá lợi ích mang lại của VKFTA.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Akhilesh C.P, Gurpreet K., Vasilii E. (2019) *Regional Trade and Development Strategies in the Era of Globalization*
2. Ali M. El-Agraa. (Ed.). (1988). *International economic integration*. Springer.
3. Balassa B., Eatwell J., Milgate M., Newman P. (eds) (1991) *The World of Economics*, The New Palgrave, Palgrave Macmillan, London, 176-186
4. Balassa, B. (1966). *Latin American economic integration*, 21-31
5. Bộ Công thương Việt Nam (2012). *Đàm phán Hiệp định FTA giữa Việt Nam và Hàn Quốc*. Truy cập 12/10/2023, từ <https://moit.gov.vn/thoa-thuan-thuong-mai-quoc-te/dam-phan-hiep-dinh-fta-giua-viet-nam-va-han-quoc.html>
6. Bùi T.H.N., Đoàn T.T.H. (2021). *Thực trạng và tác động của FDI Hàn Quốc vào Việt Nam trong bối cảnh mới*. Truy cập 14/10/2023, từ <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-tac-dong-cua-fdi-han-quoc-vao-viet-nam-trong-boi-can-h-moi-85702.html>



7. Đức M. (2020) *Hành trình khó tin của Việt Nam: Từ quốc gia bị cấm vận đến đất nước chỉ có bạn!*. Truy cập 20/10/2023, từ <https://cafef.vn/hanh-trinh-kho-tin-cua-viet-nam-tu-quoc-gia-bi-cam-van-den-dat-nuoc-chi-co-ban-20200807144703591.chn>
8. Hải, Hoàng, Vũ T.M.N. (2017) Tăng cường đầu tư trực tiếp của Việt Nam sang Hàn Quốc (To increase Vietnam direct investment into Korea.). *Tạp chí Quản lý Kinh tế Quốc tế (Journal of International Economics and Management)*, 95
9. Phan, T., & Jeong, J. Y. (2016). Potential economic impacts of the Vietnam-Korea free trade agreement on Vietnam. *Journal of East Asian Economic Integration*, 20(1), 67-90.
10. Sở Ngoại vụ Tiền Giang. (2015) Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc. Truy cập 25/10/2023, từ [http://songoaivu.tiengiang.gov.vn/han-quoc/-/asset\\_publisher/QSpp7P8RukDa/content/quan-he-viet-nam-han-quoc](http://songoaivu.tiengiang.gov.vn/han-quoc/-/asset_publisher/QSpp7P8RukDa/content/quan-he-viet-nam-han-quoc)
11. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang. (2021) *Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, hiệu quả và đạt nhiều thành tựu nổi bật trong thời gian tới*. Truy cập 25/10/2023, từ <http://tnmttuyenquang.gov.vn/tin-tuc/hop-tac-quoc-te/quan-he-viet-nam-han-quoc-se-tiep-tuc-phat-trien-manh-me-hieu-qua-va-dat-nhieu-thanh-tuu-noi-mbat-trong-thoi-gian-toi-20043.html>
12. Thế H. (2021) *Vốn FDI Hàn Quốc vào Việt Nam tăng gần gấp đôi sau 6 năm thực thi VKFTA*. Truy cập 07/10/2023, từ <https://baodautu.vn/von-fdi-han-quoc-vao-viet-nam-tang-gan-gap-doi-sau-6-nam-thuc-thi-vkfta-d158065.html>